

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19/12/2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 246/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1969.

Người đại diện hợp pháp của bà T là ông Phạm Văn U, sinh năm 1967 – đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 07/9/2018.

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1. Ông **Phạm Văn H2**, sinh năm 1962.

2. Bà **Bùi Thị S**, sinh năm 1959.

Người đại diện hợp pháp của ông H2 và bà S là anh Phạm Quốc D, sinh năm 1993 – đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 16/11/2018.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Phạm Văn H2 và bà Bùi Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lê Thị T số tiền hui vốn là 466.690.000đ (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị T tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ án phí số tiền 5.666.900đ (*Năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm đồng*) nhưng bà được miễn toàn bộ án phí do là con liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn ông Phạm Văn H2 và bà Bùi Thị S liên đới chịu $\frac{1}{2}$ án phí số tiền 5.666.900đ (*Năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm đồng*) nhưng bà S là con liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn phần án phí mà bà có nghĩa vụ nộp 2.833.450đ (*Hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng*), còn lại ông H2 phải nộp 2.833.450đ (*Hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga